

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RC8+RC5+RP1	7:25	19+0+0+1	0+0+0+0		14+1+0+0	0+0+0+0	chuyen 3 rc8-rc5, 1 rc8-rp1
2		TD3+TD2	7:25	2+20	0+0		1+14	0+0	chuyen 1 td3-td2
3		TD1+TD5	7:25	15+4	0+0		16+4	0+0	chuyen 2 td1-td5
4		P11+BK5+BK8	9:25	20+0+0	0+0+0		14+0+0	0+0+0	chuyen 2 bk5-bk8
5		TD5+PVD8	9:25	15+5	0+0		8+2	0+0	
6		RCDM+MRM+TD3	9:25	4+5+11	0+0+0		0+0+14	0+0+0	
7		P2+CTK3+RP2	11:50	22+0+0	0+0+0		0+0+2	0+0+0	chuyen 1 p2-ctk3
8		GTCl+CLO+BK4	11:50	3+8+9	0+0+0		0+4+1	0+0+0	chuyen 1 GTCl-CLO

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - RC8 - RC5 - RP1	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1075	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	72	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
2	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	86	1	5			78	KHOAN	Russian
3	VU THE NANG	CLO	97	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
4	CHU ĐỨC AI	CLO	95	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN LONG	CLO	93-94	2	10			66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	98	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
7	BUI QUỐC GIA	CLO	96	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẾ ĐĂNG	CLO	70-71	2	14			76	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	900	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NHƯ DỪNG	CLO	99	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	77-78	2	9			59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HÀ VĂN	CLO	82-83	2	15			95	KHOAN	Vietnamese
13	LUƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	89-90	2	8			75	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH THAI	CLO	73	1	14			102	KHOAN	Vietnamese
15	HA KHƯƠNG DUY	CLO	81	1	14	2	12	66	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ THUẬN THANH	CLO	87-88	2	21			74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH PHÚC	CLO	91-92	2	18			66	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC HẬU	CLO	85	1	9			64	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUNG	CLO	84	1	11	3	38	80	CODIEN	Vietnamese
20	BUI VAN HUY	RP1	76	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	19	1.383	26	185	5	50	14		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	14	CHUYEN 3 PAX RC8-RC5, 1 PAX RC8-RP1	
3	RC5	0	0	0	0	2	40	0		
4	RP1	1	72	1	12	0	0	0		
TOTAL		20	1.455	27	197	7	90	15		
WEIGHT KG			1.455		197		90			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:TD3 - TD2	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1081	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ARUSHANOV SERGEI	TD3	01	1	7	3	50	121	KHOAN	Russian
2	TRAN THANG LOI	TD3	02	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HAI	TD2	06	1	3			84	KHOAN	Vietnamese
4	GONCHAROV SERGEY	TD2	36-37	2	16			99	KHOAN	Russian
5	HOANG VAN BAC	TD2						74	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUAN	TD2	03	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	46	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUNG HUNG	TD2	05	1	4			96	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUANG HUY	TD2	07-08	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG NGHIA	TD2	48	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN HOANG	TD2	35	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN HAI	TD2	34	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DAI	TD2	47	1	11			62	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH DUY THANH	TD2	04	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM TIEN VINH	TD2	40	1	15			85	KHOAN	Vietnamese
16	VU HUU KE	TD2	43-45	3	18			84	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN QUAN	TD2	09-11	3	19			70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH CHI CONG	TD2	42	1	14			65	KHOAN	Vietnamese
19	ĐANG MINH TUAN	TD2	41	1	14			88	KHOAN	Vietnamese
20	VO THANH NHAT	TD2	33	1	11			76	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN AI	TD2	38	1	4			51	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TUAN	TD2	39	1	3			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	2	179	2	11	3	50	1+		CHUYEN 01 PAX TD3-TD2
2	TD2	20	1.504	25	178	0	0	14		
TOTAL		22	1.683	27	189	3	50	15		
WEIGHT KG			1.683		189		50			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: TD1 - TD5	CREW: LINH - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1078	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				4	75	103	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	90-91	2	8			59	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	84	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN HOÀ	TD1	80	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN DUY	TD1	92	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HAI	TD1	97	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
7	HOA XUÂN LUÂN	TD1	89	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	86-88	3	13			63	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC LINH	TD1	85	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
10	VÔ TÁ HOANG ANH	TD1	95	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN MINH ĐẠT	TD1	93-94	2	19	1	15	76	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM HAI	TD1	81-82	2	16			81	DVL	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH VIỆT	TD1	78	1	9			64	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH BĂNG	TD1	83	1	5			85	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CÁN	TD1	79	1	6			68	PSV	Vietnamese
16	CHUSH MAKSIM	TD5	01	1	6			100	KHOAN	Russian
17	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	02	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
18	VƯƠNG ĐỨC ANH	TD5	04-05	2	6			67	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HÙNG	TD5	03	1	13			78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	15	1.084	19	119	5	90	16+	2	CHUYỂN 02 KHÁCH TỪ TD1-TD5
2	TD5	4	318	5	34	0	0	5		
TOTAL		19	1.402	24	153	5	90	21		
WEIGHT KG			1.402		153		90			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - BK5 - BK8	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1076	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN THỰC	P11	65-66	2	13	1	24	81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TINH	P11	61	1	10	2	40	72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY LINH	P11	60	1	7			95	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN LÊ KIÊN	P11	67	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC DỤC	P11	69	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ THANH NGỌC	P11	54	1	11			47	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NHẬT QUANG	P11	62	1	2			58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MẠNH CUÔNG	P11	68	1	5			84	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN BAO	P11	70	1	11			66	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P11	59	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT THÀNH	P11	63	1	8			57	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN BÌNH	P11	73-74	2	18			77	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN VĂN THANH	P11	56	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC THANH	P11	64	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P11	71	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HẢI LAM	P11	55	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ BA NAM	P11	57-58	2	9			80	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ NGỌC LUẬN	P11	51	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUẬN	P11	72	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC KHOA	P11	52-53	2	16			92	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	20	1.444	24	169	3	64	14		
2	BK5	0	0	0	0	1	20	0	CHUYEN 2 BK5-BK8	
3	BK8	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.444	24	169	4	84	14		
WEIGHT KG			1.444		169		84			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: TRANG-2	TO:TD5 - PVD8	CREW: LHM - HDUC - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1082	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN DUY TAM	TD5	13	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN THE	TD5	17	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BINH	TD5						68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANH	TD5	08	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VINH DUY	TD5	10	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	11	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN TUAN ANH	TD5						86	KHOAN	Vietnamese
8	DOAN CAO DANH	TD5	16	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
9	HO MINH TRINH	TD5	20	1	13			72	KHOAN	Vietnamese
10	LE QUANG DAO	TD5	06-07	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
11	DO TIEN DUNG	TD5	15	1	7			60	D-HANH	Vietnamese
12	LUU DINH TRONG	TD5	18	1	11	1	10	79	DVL	Vietnamese
13	VU VAN NAM	TD5	12	1	15			73	DVL	Vietnamese
14	VU VAN TRUNG	TD5	09	1	18			77	DVL	Vietnamese
15	LE THANH TU	TD5	14	1	8			82	DVL	Vietnamese
16	HOANG THAI VIET	PVD8	02	1	11			69	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN CUONG	PVD8	04	1	10	1	11	88	DVL	Vietnamese
18	DO MINH HOANG	PVD8	03	1	16			76	DVL	Vietnamese
19	DOAN PHUC HOANG	PVD8	06	1	10	1	11	77	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HIEU	PVD8	01	1	15			54	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	15	1.062	14	121	1	10	8		
2	PVD8	5	364	5	62	2	22	2		
TOTAL		20	1.426	19	183	3	32	10		
WEIGHT KG			1.426		183		32			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI MY HANH

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VÀNG-2	TO:RCDM - VSP02 - MRM - TD3	CREW: LINH - NPHÚ - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1079	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DAO HUNG NGUYEN	RCDM	72-73	2	11			64	BA SON	Vietnamese
2	DOAN QUANG KHANH	RCDM	70-71	2	16			59	BA SON	Vietnamese
3	DINH HOANG LONG	RCDM	68	1	11			74	BA SON	Vietnamese
4	PHAN VAN THANH	RCDM	69	1	10	1	20	51	BA SON	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC DINH	MRM	96	1	14			90	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DOAN HUNG	MRM	94	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TA TRUNG DUNG	MRM	93	1	12			94	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TUAN ANH	MRM	95	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN MANH QUE	MRM	92	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN THUONG	TD3	13	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG MINH TOAN	TD3	14	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG PHAM NGOC VU	TD3	07	1	8			102	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH AI HUU	TD3	06	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH THOAI	TD3	15	1	6			96	KHOAN	Vietnamese
15	DAO TIEN THIET	TD3	16	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LINH	TD3	08	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
17	VU QUANG HIEU	TD3	09	1	2			116	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGOC DO	TD3	17-18	2	10			72	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THANG	TD3	10-12	3	20			74	KHOAN	Vietnamese
20	HA VAN QUOC	TD3	19	1	6			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	4	248	6	48	1	20	0		
2	VSP02	0	0	0	0	0	0	1		
3	MRM	5	425	5	50	0	0	0		
4	TD3	11	875	14	79	0	0	14		
TOTAL		20	1.548	25	177	1	20	15		
WEIGHT KG			1.548		177		20			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO:P2 - CTK3 - RP2	CREW: DUONG - SON - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1077	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DINH THANH	P2	95-96	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN NGOC	P2	84	1	16			52	XAYLAP	Vietnamese
3	VU QUOC HUY	P2	97	1	10	1	13	69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG LUAN	P2	23	1	10	1	11	58	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN PHUONG	P2	82	1	10	1	13	65	XAYLAP	Vietnamese
6	TA VAN CUONG	P2	72-73	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VAN DUONG	P2	69	1	14			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC MINH	P2	89	1	17			81	XAYLAP	Vietnamese
9	LE CONG BANG	P2	66-67	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN HAI	P2	70-71	2	17			51	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VIET TOAN	P2	74-75	2	16	1	8	72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU CHINH	P2	65	1	10	1	11	66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ĐANG TUYEN	P2	87	1	10	1	12	64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG ĐAI	P2	76, 80	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN SY TAI	P2	99	1	10	1	16	54	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VINH THAO	P2	85-86	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN DUYEN NGAN	P2	79,81	2	19			59	QUYET THA	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THO	P2	77	1	14			52	QUYET THA	Vietnamese
19	TRAN VAN THONG	P2	78	1	11			65	QUYET THA	Vietnamese
20	TRINH MINH THE	P2	91-92	2	19	1	8	54	QUYET THA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	20	1.252	29	288	8	92	0+1		CHUYEN 1 PAX P2-CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	1	12	0		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.252	29	288	9	104	2		
WEIGHT KG			1.252		288		104			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SON



Xin chốt hàng lên ghế



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO:GTC1 - CLO - BK4	CREW: LINH - N.CU'ONG - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1080	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LƯƠNG ANH VŨ	GTC1	48-49	2	20			70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	GTC1	52	1	10			68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	GTC1	50-51	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
4	MULNIUCHKIN V.V.	CLO	27	1	14			89	DVL	Russian
5	USATENKO D.S.	CLO	26	1	13			95	DVL	Russian
6	NGUYỄN CHÍ LINH	CLO	21	1	9	4	35	80	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	24-25	2	22			65	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	CLO	22-23	2	21			67	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	CLO	29	1	7			95	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THU TRANG	CLO	28	1	9			73	PSV	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC THIÊN	CLO	30	1	5			61	PSV	Vietnamese
12	ĐANG QUANG TUÂN	BK4	90	1	12	1	20	70	XAYLAP	Vietnamese
13	KIỀU HẢI DƯƠNG	BK4	02	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK4	85-87	3	16			68	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG DUY	BK4	97	1	14	1	14	65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH SƠN	BK4	95-96	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHƯƠNG THÈ TRUNG	BK4	01	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	BK4	88	1	10	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC THÈ	BK4	91-92	2	21			71	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VIỆT QUANG	BK4	93-94	2	22			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	3	211	5	50	0	0	0		CHUYEN 1 PAX GTC1-CLO
2	CLO	8	625	10	100	4	35	4		
3	BK4	9	622	14	133	3	49	1		
TOTAL		20	1.458	29	283	7	84	5		
WEIGHT KG			1.458		283		84			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG